

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH S**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2025/HS-ST
Ngày 27 - 9 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH S**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Hiếu.

Thẩm phán: Bà Điều Thị Kim Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Quàng Thị Hương, ông Nguyễn Hồng Sơn, bà Trịnh Lan Anh.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Nhật Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh S tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh S, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 142/2025/TLST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2025/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 9 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Trần Đình T, sinh ngày 27 tháng 01 năm 1979 tại huyện L, tỉnh N; Nơi thường trú: Thôn Đ, xã NL, huyện L, tỉnh N (nay là Thôn Đ, xã A, tỉnh B); Nơi cư trú: Thôn Đ2, xã NL, huyện L, tỉnh N (nay là Thôn Đ2, xã A, tỉnh B); nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông Trần Đình G, sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị L (đã chết); Bị cáo có vợ là Hứa Thị G, sinh năm 1985 và 02 con (con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2025); Tiền án: Bản án số 56/2021/HSST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh N xử phạt 09 tháng tù về tội Đánh bạc, 02 năm 03 tháng về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong án phạt tù vào ngày 27/4/2024 và nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 29/11/2021. Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/12/2024 đến nay. Có mặt.

2. Tráng A C, sinh ngày 19 tháng 09 năm 1978 tại huyện V, tỉnh S; Nơi thường trú: Bản U, xã L, huyện V, tỉnh S (nay là Bản U, xã H, tỉnh S); nghề

nghề: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: 05/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông Tráng A P (đã chết) và bà Giàng Thị P2, sinh năm 1960; Bị cáo có vợ là Giàng Thị Dứa, sinh năm 1977 và 02 con (con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 1999); Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/12/2024 đến nay. Có mặt.

3. Hứa Thị Y, sinh ngày 22 tháng 06 năm 1995 tại huyện L, tỉnh N; Nơi thường trú: Thôn N1, xã Đ, huyện L, tỉnh N (nay là Thôn N1, xã Bình Lục, tỉnh B); nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông Hứa Trụ M (đã chết) và bà Hà Thị TH, sinh năm 1952; Bị cáo có chồng là Trần Đức H, sinh năm 1990 và 01 con, sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 33/2017/HSST ngày 20/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh N xử phạt Hứa Thị Y 01 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong án phạt tù vào ngày 17/6/2020 và nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 25/08/2017. (Đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/12/2024 đến nay. Có mặt.

4. Hứa Thị G, sinh ngày 28 tháng 12 năm 1985 tại huyện L, tỉnh N; Nơi thường trú: Thôn Ô, xã TR, huyện L, tỉnh N (nay là thôn Ô, xã Bình Lục, tỉnh B); Nơi cư trú: Thôn Đ2, xã NL, huyện L, tỉnh N (nay là Thôn Đ2, xã A, tỉnh B); nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông Hứa Trụ M (đã chết) và bà Hà Thị TH, sinh năm 1952; Bị cáo có chồng là Lê Công L2, sinh năm 1981 (đã ly hôn), chồng là Trần Đình T, sinh năm 1979 và 04 con (con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2025); Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Đình T: Ông Vũ Đức Thuận - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Thăng Long Hà Nội - Đoàn Luật sư tỉnh S. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Hứa Thị Y: Ông Đỗ Văn Thuận - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Đỗ Thuận - Đoàn Luật sư tỉnh S. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Tráng A C: Ông Cầm Văn Thanh - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh S. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Tráng A PH, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Bản U, xã L, huyện V, tỉnh S (nay là Bản U, xã L, tỉnh S). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 50 phút ngày 24/12/2024, tổ công tác Công an huyện V, tỉnh S phối hợp với lực lượng chức năng, làm nhiệm vụ tại bản PK, xã L, huyện V. Phát hiện, bắt quả tang Trần Đình T, sinh năm 1979, trú tại Thôn Đ2, xã NL, huyện L, tỉnh N (Nay là Thôn Đ2, xã A, tỉnh B) và Hứa Thị Y, sinh năm 1995, trú tại Thôn N1, xã Đ, huyện L, tỉnh N (Nay là Thôn N1, xã Bình Lục, tỉnh B). Đang có hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy, mục đích để bán kiếm lời trên chiếc xe ô tô taxi nhãn hiệu Vinfast, màu sơn xanh, VF5, biển kiểm soát 90E-001.29 do Vũ Văn L3, sinh năm 1988, trú tại thôn NK, xã BN, huyện L, tỉnh N (Nay là thôn NK, xã BL, tỉnh B) là người điều khiển. Vật chứng thu giữ:

- Thu giữ của Trần Đình T: 04 bánh hình chữ nhật bên trong có chứa chất cục bột màu trắng bột (nghĩ là Heroine); 38 viên nén màu hồng (nghĩ là ma túy tổng hợp); 01 điện thoại di động, 01 túi vải màu đen và 15.000.000 đồng.

- Thu giữ của Hứa Thị Y: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax và 18.000.000 đồng.

- Tạm giữ của Vũ Văn L3: 01 xe ô tô nhãn hiệu Vinfast VF5, biển kiểm soát 90E-001.29; 01 điện thoại di động và một số giấy tờ tùy thân.

Ngày 25/12/2024, Cơ quan điều tra Công an huyện V, tỉnh S ra Lệnh khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở của Trần Đình T, tại Thôn Đ2, xã NL, huyện L, tỉnh N (nay là xã A, tỉnh B) và Hứa Thị Y, tại Thôn N1, xã Đ, huyện L, tỉnh N (nay là xã Bình Lục, tỉnh B). Kết quả thu giữ của Trần Đình T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO 11, 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone X. Kết quả khám xét đối với Hứa Thị Y thu giữ: 01 gói chứa chất bột màu xanh (nghĩ là ma túy tổng hợp), Y khai là ma túy, do Trần Đình T nhờ cất hộ.

Căn cứ vào lời khai của Trần Đình T và Hứa Thị Y ngày 25/12/2024, Cơ quan điều tra Công an huyện V, tỉnh S ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Hứa Thị G, sinh năm 1985, trú tại Thôn Đ2, xã NL, huyện L, tỉnh N (nay là xã A, tỉnh B) về hành vi không tố giác tội phạm.

Cùng ngày 25/12/2024, Cơ quan điều tra Công an huyện V, tỉnh S có Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Tráng A C, sinh 19/9/1978,

trú tại bản U, xã L, huyện V, tỉnh S (nay là bản U xã H, tỉnh S) về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy. Quá trình bắt giữ, không thu giữ đồ vật, tài sản gì liên quan đến vụ án.

Kết quả điều tra xác định, Vũ Văn L3 là người điều khiển xe taxi, không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy của Trần Đình T và Hứa Thị Y. Ngày 25/12/2024, Cơ quan điều tra Công an huyện V, tỉnh S ra quyết định trả tự do đối với Vũ Văn L3 và trả xe ô tô cùng T bộ giấy tờ tùy thân cho Vũ Văn L3.

Ngày 24, 25/12/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh S thành lập Hội đồng bóc mở niêm phong, cân tịnh, xác định khối lượng vật chứng. Kết quả: 04 bánh hình chữ nhật, bên trong có chứa chất cục bột màu trắng có tổng khối lượng 1.093,66 gam (trong đó bánh có khối lượng thấp nhất là 254,99 gam), trích lấy 06 gam làm mẫu gửi giám định đánh ký hiệu T, T2, T4 T6; 38 viên nén màu hồng có khối lượng 3,64 gam, trích 05 viên có khối lượng 0,48 gam làm mẫu gửi giám định đánh ký hiệu T8; Gói chất bột màu xanh thu khi khám xét chỗ ở của Hứa Thị Y có khối lượng 0,42 gam, trích lấy 0,22 gam làm mẫu gửi giám định đánh ký hiệu YT1.

Tại bản Kết luận giám định số 124/KL-KTHS ngày 30/12/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh S, kết luận: “*Mẫu ký hiệu T, T2, T4, T6 gửi giám định là ma túy, loại Heroine (Heroin) có tên khoa học là Diacetylmorphine, được quy định tại Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) và nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất. Khối lượng của mẫu gửi giám định là T=0,87 gam, T2=1,84 gam, T4=1,62 gam, T6=2,01 gam. Mẫu ký hiệu T8 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,48 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 1.093,66 gam loại Heroine và 3,64 gam loại Methamphetamine.*”.

Tại bản Kết luận giám định số 166/KL-KTHS ngày 31/12/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh S, kết luận: “*Mẫu ký hiệu YT gửi giám định là ma túy; loại MDMA; khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,22 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 0,42 gam; loại MDMA*”.

Kết luận giám định số 191/KL-KTHS, ngày 06/01/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh S kết luận: “*Số tiền 33.000.000 VNĐ gửi giám định là tiền thật.*”

Quá trình điều tra, các bị cáo Trần Đình T, Hứa Thị Y, Tráng A C và Hứa

Thị G khai nhận:

Năm 2014, Trần Đình T đi làm thợ mộc tại bản U, xã L, huyện V, tỉnh S, quen Tráng A C. Đến khoảng giữa tháng 9/2024, T gọi điện cho C, hỏi mua 01 bánh Heroine mục đích để bán kiếm lời, C đồng ý hẹn khi nào có ma túy sẽ thông báo. Nghe xong điện thoại của T, C gọi điện cho Mùa A D (người quen biết từ trước), nhà ở huyện SB, tỉnh HP, nước Cộng hoà dân chủ nhân dân L, hỏi mua nợ 01 bánh Heroine, đồng thời xin thêm một ít Hồng phiến. D và C thoả thuận giá mua bán là 140.000.000 đồng/01 bánh Heroine, hẹn buổi chiều cùng ngày, D sẽ mang ma túy đến giao cho C tại đầu đường đoạn của chữ S Quốc lộ 6 thuộc xã H. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, C đến điểm hẹn, D đưa cho C 01 túi nilon màu đen bên trong chứa 01 bánh Heroine và một ít Hồng phiến (C không mở ra kiểm tra). C mang về cất giấu rồi gọi điện cho T thông báo đã có ma túy. Ngày hôm sau, T rủ Hứa Thị Y (em vợ của T) đi lên huyện Mộc Châu chơi, Y đồng ý, thuê taxi của Vũ Văn L3 chở đến ngã ba L, xã L, huyện V, tỉnh S thì T xuống xe, còn Y và L3 đi lên huyện MC chơi. C đi xe máy đến đón T đưa về nhà C, tại đây, T đưa 170.000.000 đồng, C nhận tiền rồi đưa cho T túi nilon bên trong có 01 bánh Heroine và một ít hồng phiến. T cất vào trong túi vải mang theo từ trước rồi gọi điện cho L3 và Y đi về nhà, còn C mang 140.000.000 đồng trả cho D. T về đến nhà gặp vợ là Hứa Thị G đang ở phòng khách, T đi vào phòng ngủ, dùng dao lam rạch các lớp ni lon của bánh Heroine, thấy có một túi ni lon màu xanh bên trong có 30 viên hồng phiến, T sử dụng cân điện tử chia bánh Heroine thành 44 gói (mỗi gói 02 chỉ) để bán, khi T đang ngồi chia ma túy Hứa Thị G nhìn thấy và hỏi cái gì thì T bảo vừa mua được một bánh Heroine về để bán. Sau khi chia xong ma túy, T cất giấu trong chiếc máy giặt bị hỏng của ông Trần Đình G (bố đẻ) ở cạnh nhà của T. Sau đó, T nói với Trần Văn TG, khoảng 50 tuổi, trú tại Đội 1, xã NL; Nguyễn Văn TI, khoảng 70 tuổi và Trần Văn TA, khoảng 60 tuổi, đều trú tại đội 5, xã NL, ở cùng huyện L, tỉnh N về việc T có ma túy bán. Các đối tượng trên đã nhiều lần đến mua của T mỗi gói giá 7.000.000 đồng nhưng không nhớ ngày trong tháng 9/2024. Đầu tháng 10/2024, Hứa Thị Y gọi điện bảo T bán cho một ít Heroine để Y bán lại cho khách, T đồng ý. Y mua của T 03 lần, mỗi lần 02 gói với giá 5.400.000 đồng/ 01 gói, tổng là 6 gói. Số ma túy mua được, Y mang về bán hết cho Trần Đình A, sinh năm 1980, trú tại Đội 5, xã NL, huyện L, tỉnh N (nay là xã A, tỉnh B) với giá 6.000.000 đồng/ 01 gói Heroine. Cuối tháng 10/2024, khi T đi chữa bệnh tại Hà Nội, có giấu 02 gói ma túy vào trong bao thuốc lá để trên bàn uống nước của gia đình. Sau đó, Nguyễn Văn TI gọi điện cho T hỏi mua ma túy, do T không có nhà nên bảo TA đến nhà T hỏi mua nợ 01 bao thuốc lá, T sẽ gọi điện bảo vợ là Hứa Thị G đưa cho bao thuốc lá, T không nói cho N biết bên

trong bao thuốc lá có chứa ma túy. Số tiền lãi nhiên lần T bán ma túy có được khoảng hơn 300.000.000 đồng và tiền do tích góp mà có, T gửi cho Hứa Thị Y là em vợ của T nhờ cất giữ hộ.

Khoảng 07 giờ ngày 23/12/2024, Trần Đình T gọi điện cho C hỏi đặt mua 04 bánh Heroine và xin thêm một ít Hồng phiến, hai bên thoả thuận giá mua bán là 170.000.000 đồng/01bánh Heroine. Sau đó, C tiếp tục gọi điện cho D đặt mua nợ 04 bánh Heroine và xin thêm ít Hồng phiến, D đồng ý, thoả thuận giá mua bán 140.000.000 đồng/01 bánh, đồng thời bảo D mang ma túy đến điểm nhận ma túy lần trước để giao nhận ma túy, hẹn khi nào đến sẽ gọi điện cho C. Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 23/12/2024, C đang ở nhà thì D gọi điện bảo C ra đoạn đầu đường của chữ S nhận ma túy, C một mình đi bộ đến điểm hẹn, D đưa cho một túi nilon màu đen bên trong có 04 bánh Heroine và một ít Hồng phiến, C mang về nhà cất giấu ở chân tủ trong phòng ngủ của vợ chồng C rồi gọi điện thông báo cho T biết, T hẹn ngày hôm sau sẽ lên để trao đổi mua bán. Khoảng 18 giờ ngày 23/12/2024, T nói với N sẽ lên huyện V, tỉnh S để mua ma túy về bán nên hỏi N trên nhà Y còn bao nhiêu tiền, N bảo không biết và khuyên T đừng mua bán ma túy nữa nhưng T không nghe. Sau đó, T lấy điện thoại của N gọi cho Y hỏi còn bao nhiêu tiền, đồng thời rủ Y đi lên huyện V để mua ma túy về bán, Y đồng ý và kiểm tra tiền T gửi còn 600.000.000 đồng. Sau đó, Y gọi điện cho Vũ Văn L3 (lái xe taxi) hẹn sáng ngày hôm sau đến đón Y đi lễ chùa ở tỉnh TB xong thì đi huyện MC chơi, L3 đồng ý. Sáng ngày 24/12/2024, T mở két sắt của gia đình lấy 90.000.000 đồng cho vào túi quần áo rồi gọi điện cho Y mang hết tiền đi và hẹn đón T ở cầu TH thuộc xã HC, huyện L, tỉnh N. Sáng ngày 24/12/2024, Y gọi điện cho L3 đến đón rồi bảo L3 ra chỗ cầu TH đợi khoảng 05 phút thấy N điều khiển xe máy chở T đến. Lúc này, Y đang ngồi ở ghế phụ, T lên xe ngồi ở hàng ghế sau, Y đưa túi nilon đựng tiền, T nhận và cho cùng với số tiền 90.000.000 đồng. Sau đó L3 lái xe chở T và Y đi sang tỉnh TB để cho Y làm lễ xong, T bảo L3 chở đi theo hướng MC. Khi đi đến Đèo đá trắng thuộc địa phận huyện TL, tỉnh HB, T gọi điện cho C hẹn gặp thì C bảo sẽ cho con trai của C (là Tráng A PH) đến gặp lấy tiền còn địa điểm gặp do Tráng A PH hẹn, T đồng ý. Khi đi đến địa phận huyện MA, tỉnh HC thì thấy số điện thoại của Chứ gọi cho T giới thiệu là con trai của C và nói khi nào đến khách sạn HJ thì hỏi đường xuống suối cá rồi gọi điện thoại. Khi đến suối cá, T gọi điện thì PH bảo đợi một lúc, trong lúc đợi, L3 và Y ra bờ suối cách xe khoảng 10m xem cá, còn T đứng ở sau xe ô tô đợi. Khoảng 05 phút sau thấy Phà đi xe máy nhãn hiệu Vision màu xám, mặc áo khoác màu xám vàng, quần màu đen đến. T đưa 680.000.000 đồng cho Phà để mang về cho C, còn hơn 10.000.000 đồng để chi tiêu dọc đường, sau đó T cùng Y và L3 đi lên huyện MC, tỉnh S uống

nước đơi. Sau khi T đưa tiền cho PH thì N có nhắn tin cho Y hỏi tình hình thế nào, Y bảo đã đưa tiền cho con của người bán ma túy rồi. Trên đường đi, N có nhắn tin, gọi điện thoại cho Y để biết xem việc T lên S có mua ma túy hay chưa.

Tráng A PH mang tiền về đưa cho Tráng A C, có tiền Chứ mang 560.000.000 đồng trả cho Mùa A D ở huyện SB, tỉnh HP, nước Cộng hoà dân chủ nhân dân L. Khoảng 18 giờ cùng ngày 24/12/2024, Chứ gửi vị trí định vị cho T, bảo đến nhận ma túy theo định vị. T bảo lái xe taxi đi theo định vị, đến nơi T hạ cửa kính xuống thì C đưa cho T 01 túi ni lon bên trong đựng 04 bánh Heroine và một ít Hồng phiến, T không mở ra kiểm tra mà cho vào trong túi mang theo từ trước rồi để ở sát chỗ ngồi của T, bảo L3 điều khiển đi về nhà. Khi xe taxi đi đến địa phận bản PK, xã L, huyện V, tỉnh S thì T, Y, L3 bị tổ công tác Công an huyện V phát hiện, bắt quả tang.

Tổng khối lượng các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự như sau:

Các bị cáo Trần Đình T và Tráng A C phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy là có tổng khối lượng 1.354,99 gam ma túy. (Trong đó, 1.093,66 gam Heroine, 3,64 gam Methamphetamine bị thu giữ khi bắt quả tang và 01 bánh Heroine mua bán trót lọt. Lấy bánh Heroine có khối lượng thấp để quy kết trách nhiệm hình sự là 254,99 gam, 30 viên Hồng phiến có tổng khối lượng tương đương là 2,7 gam. Lấy khối lượng viên hồng phiến có khối lượng thấp nhất 0,09 gam thu giữ khi bắt quả tang Trần Đình T ngày 24/12/2024 để quy kết). Ngoài ra, bị cáo Trần Đình T chịu trách nhiệm hình sự về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy với khối lượng là 0,42 gam MDMA.

Bị cáo Hứa Thị Y phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy là có tổng khối lượng 1.142,3 gam ma túy. (Trong đó 1.093,66 gam Heroine + 3,64 gam Methamphetamine bị thu giữ khi bắt quả tang và tại phiên tòa, các bị cáo Hứa Thị Y và Trần Đình T đều thừa nhận mua bán trót lọt 12 chỉ Heroine x 3,75 gam = có khối lượng tương đương 45 gam). Ngoài ra, bị cáo Hứa Thị Y chịu trách nhiệm hình sự về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy với khối lượng là 0,42 gam MDMA.

Về nguồn gốc 1.093,66 gam Heroine và 3,64 gam Methamphetamine bị thu giữ, 01 bánh Heroine có khối lượng 254,99 gam và 2,7 gam Methamphetamine đã mua bán trót lọt (lấy bánh Heroine có khối lượng thấp nhất 254,99 gam và khối lượng 01 viên hồng phiến có khối lượng thấp nhất 0,09 gam thu giữ khi bắt quả tang Trần Đình T ngày 24/12/2024 để quy kết trách nhiệm hình sự). Bị cáo Tráng A C khai mua của Mùa A D, khoảng hơn 40 tuổi (do Dưa tự giới thiệu, nhà ở huyện Sốp Bâu, tỉnh HP, nước CHDCND L) với giá 140.000.000 đồng/01 bánh

Heroine. Còn họ, tên địa chỉ cụ thể của Mùa A D thì C không biết, ngoài lời khai của bị cáo, không có căn cứ để điều tra mở rộng. Buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về số ma túy thu giữ trong vụ án.

Về nguồn gốc 0,42 gam MDMA bị thu giữ khi khám xét nhà ở nhà của Hứa Thị Y, bị cáo Trần Đình T khai ngày 03/10/2024, đi lên bệnh viện VĐ thành phố HN khám bệnh thì gặp một người đàn ông tên T, khoảng 40 tuổi, nhà ở thành phố HN từng bị xử phạt 3 năm tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy chấp hành án từ năm 2021 năm 2023 tại Trại giam Nam Hà đưa cho T để sử dụng. T đã trích lấy một ít sử dụng, số ma túy còn lại, T nhờ Hứa Thị Y cất giữ hộ. Kết quả điều tra tại Trại giam Nam Hà có 02 đối tượng tên T gồm: Lê Anh T, sinh năm 1993, trú tại số 87 tổ 26, phường TL, quận HBT, thành phố HN và Nguyễn Anh T, sinh năm 1981, trú tại số 4, tổ 16a, ĐC, quận HM, thành phố HN. Cơ quan điều tra thu thập ảnh của trên cho bị cáo Trần Đình T nhận dạng, kết quả bị cáo T không nhận ra người tên T đã cho ma túy bị cáo ngày 03/10/2024. Vì vậy, không có căn cứ để điều tra mở rộng vụ án, buộc các bị cáo T và Y phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Tại bản Cáo trạng số: 107/CT-VKS-P1 ngày 12 tháng 9 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh S đã truy tố các bị cáo Trần Đình T, Hứa Thị Y về các tội: Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 số 86/2025/QH15) và tội tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo Tráng A C về tội Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 số 86/2025/QH15). Bị cáo Hứa Thị G về tội Không tố giác tội phạm tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật Hình sự 2015.

*** Tại phiên tòa sơ thẩm:**

Bị cáo Trần Đình T khai cho rằng tại lần thứ hai lên MC mua bán với Tráng A C, bị cáo Hứa Thị Y không biết việc bị cáo lên MC để mua bán ma túy với Tráng A C mà chỉ đi theo bị cáo đi chơi, T bộ quá trình mua bán giữa T và C, Y không được tham gia không được biết nội dung trao đổi, số tiền cũng như khối lượng. Tuy nhiên bị cáo Hứa Thị Y đã thừa nhận bản thân bị cáo dù không tham gia trực tiếp vào việc trao đổi thỏa thuận cũng như không tham gia giao nhận tiền và ma túy, nhưng khi T rủ đi Mộc Châu và lấy tiền gửi từ chỗ Y mang theo Y hiểu là đi mua ma túy. Đồng thời khi người đàn ông giao túi ma túy qua cửa xe ô tô

cho T thì Y cũng đang ở trong ô tô và biết đó là ma túy. Ngoài ra, bị cáo T và N khai nhận tội ngày 23/12/2024 trước khi lên MC mua bán ma túy với Chử, bị cáo N đã ngăn cản không cho đi nên T bảo chỉ đi TB làm lễ với Y nhưng sau đó vẫn cùng Y lên MC để mua ma túy của C. Bị cáo N chỉ biết qua trao đổi điện thoại với bị cáo Y khi bị cáo T đã giao tiền xong.

Ngoài ra, các bị cáo Trần Đình T, Hứa Thị Y, Tráng A C, Hứa Thị G khai nhận T bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố, không khai báo gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh S trình bày luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251 BLHS sửa đổi năm 2025; điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015, điểm s, t, r khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 BLHS, đề nghị xử phạt Trần Đình T, mức hình phạt tù chung thân về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Từ 02 đến 03 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

- Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251 sửa đổi năm 2025, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS, đề nghị xử phạt Tráng A C, mức hình phạt tù Chung thân về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo Trần Đình T và Tráng A C.

- Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251 BLHS sửa đổi năm 2025; điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015, điểm s, t, r khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 55, Điều 58 BLHS, đề nghị xử phạt Hứa Thị Y, mức hình phạt 20 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Từ 01 đến 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, tổng hợp hình phạt chung là 21 đến 22 năm tù. Áp dụng khoản 6 Điều 251 BLHS sửa đổi 2025 đề nghị xử phạt bổ sung bị cáo Hứa Thị Y từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 390, điểm s, i, n khoản 1 Điều 51, Điều 65 BLHS đề nghị xử phạt Hứa Thị G, mức hình phạt từ 12 tháng đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách (từ 24 tháng đến 36 tháng thời gian kể từ ngày tuyên án) về tội Không tố giác tội phạm.

2. Vặt chứng: Đề nghị áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu huỷ: 1.087,32 gam Heroine; 3,16 gam Methamphetamine; 0,2 gam MDMA còn lại sau khi trích mẫu gửi giám định + một túi vải màu đen + vỏ niêm phong ban đầu khi bắt quả tang đối với Trần Đình T và Hứa Thị Y.

Tịch thu xung công quỹ nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max thu giữ của Trần Đình T khi bắt quả tang, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 Pro Max, màu đen thu giữ của Hứa Thị Y khi bắt quả tang, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu viettel thu giữ của Tráng A C khi bị bắt giữ. Quá trình điều tra xác định các chiếc điện thoại trên là của các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

Số tiền 15.000.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang Trần Đình T. Quá trình điều tra xác định số tiền trên bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với 03 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu (IPHONE 12 Pro Max, OPPO 11, IPHONE thu giữ của Hứa Thị G. Quá trình điều tra xác định các điện thoại trên không sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, đề nghị trả lại cho bị cáo N.

Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, loại Vision, màu xám, biển kiểm soát: 26P1-126.13 tạm giữ khi khám xét khẩn cấp chỗ ở của Tráng A PH. Quá trình điều tra xác định tài sản trên là của Tráng A PH, việc Tráng A C nhờ Phà sử dụng chiếc xe trên để đi nhận tiền mua ma túy, Phà không biết và không liên quan, đề nghị trả lại cho Tráng A PH.

Đối với số tiền 18.000.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang Hứa Thị Y, quá trình điều tra xác định số tiền trên là của bị cáo, không sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, đề nghị xem xét trả lại cho bị cáo Y.

Đối với số tiền 150.000.000 đồng bị cáo Tráng A C bán ma túy cho bị cáo Trần Đình T có được (lần 1 = 30.000.000 đồng, lần 2 = 120.000.000 đồng) theo bị can khai nhận đã cất trong tủ quần áo của gia đình. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh S đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Tráng A C. Kết quả không phát hiện thu giữ đồ vật tài sản gì. Đây là tiền do phạm tội mà có, vì vậy đề nghị truy thu số 150.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước (Trong đó lần bán ma túy thứ nhất bị cáo hưởng lợi 30.000.000đ).

Chấp nhận cơ quan điều tra Công an tỉnh S trả lại cho anh Vũ Văn L3: 01 chiếc xe ô tô, nhãn hiệu Vinfast, màu sơn xanh, loại VF5, biển kiểm soát: 90E-001.29 và các giấy tờ liên quan.

Đối với Hứa Thị Y đã 03 lần mua ma túy của bị cáo T với giá 5.400.000 đồng, sau đó bán ra 6.000.000 đồng, bị cáo lãi được 600.000 đồng/ 01 gói. Vì vậy đề nghị truy thu sung công quỹ nhà nước số tiền 3.600.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14:

+ Bị cáo Tráng A C là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn đề nghị miễn án phí HSST cho bị cáo.

+ Các bị can Trần Đình T, Hứa Thị Y và Hứa Thị G phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

- Quan điểm của Luật sư Vũ Đức Thuận bào chữa cho bị cáo Trần Đình T: Nhất trí về tội danh, điều luật Viện kiểm sát nhân dân tỉnh S đã truy tố đối với bị cáo; về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo T đã tự thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực giúp đỡ Cơ quan điều tra phát hiện tội phạm. Áp dụng các tình tiết quy định tại các điểm s, t, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Xử phạt bị cáo mức hình phạt phù hợp, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Quan điểm của Luật sư Đỗ Văn Thuận bào chữa cho bị cáo Hứa Thị Y: Nhất trí về tội danh, điều luật Viện kiểm sát nhân dân tỉnh S đã truy tố đối với bị cáo; về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo đã tự thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực giúp đỡ Cơ quan điều tra phát hiện tội phạm là các tình tiết quy định tại các điểm s, t, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; áp dụng Điều 58 Bộ luật Hình sự mở lượng khoan hồng, xử phạt bị cáo mức hình phạt tù 20 năm về tội mua bán trái phép chất ma túy và 02 năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Quan điểm của Luật sư Cẩm Văn Thanh bào chữa cho bị cáo Tráng A C:

Nhất trí về tội danh, điều luật Viện kiểm sát nhân dân tỉnh S đã truy tố đối với bị cáo; về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực giúp đỡ Cơ quan điều tra phát hiện tội phạm đề nghị HĐXX xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251 BLHS; điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội để miễn án phí cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh S đối đáp với quan điểm bào chữa của Luật sư bào chữa: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh S đã xem xét đầy đủ, T diện về hành vi, hoàn cảnh, điều kiện phạm tội và nhân thân của bị cáo; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đề nghị mức hình phạt phù hợp đối với các bị cáo, do đó kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh S vẫn giữ nguyên quan điểm đã đề nghị đối với các bị cáo.

Các bị cáo nhất trí với quan điểm bào chữa của luật sư, không có ý kiến tranh luận bổ sung, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Tráng A PH: Anh không có ý kiến gì khác, hành vi phạm tội của bố ruột là Tráng A C anh không biết, không được tham gia. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét trả lại xe máy cho anh để sử dụng làm phương tiện đi lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo:

[2.1] Tại phiên tòa các bị cáo Trần Đình T, Hứa Thị Y, Tráng A C, Hứa Thị G hoàn T khai nhận hành vi phạm tội phù hợp lẫn nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, như sau: Trong thời gian từ tháng 9/2024, Tráng A C mua của một người tên D với giá 140.000.000 đồng được 01 bánh Heroine (khoảng 350 gam) cùng 30 viên Hồng phiến rồi bán cho bị cáo Trần Đình T với giá 170.000.000đ. Bị cáo T rồi chia thành nhiều gói nhỏ bán cho các đối tượng nghiện tại địa phương, trong đó bị cáo Hứa Thị Y mua của T 03 lần, mỗi lần 02 gói với giá 5.400.000 đồng, rồi bán hết cho Trần Đình A. Bị cáo T thu lợi khoảng hơn 300 triệu đồng và gửi số tiền này cho Hứa Thị Y cất giữ. Khi T chia bánh ma túy vợ bị cáo là Hứa Thị G có hỏi thì T nói là ma túy. Đến ngày 23–24/12/2024, T gom tổng cộng 690 triệu đồng (trong đó nhờ Y cất giữ 600.000.000đ) cùng Y thuê taxi lên Sơn La, T một mình trực tiếp giao tiền

680.000.000đ cho con trai Chú là Tráng A PH và nhận 04 bánh Heroine do Tráng A C giao cho T qua cửa xe ô tô. Khi trên đường mang ma túy về, T cùng Y đã bị Công an huyện V phát hiện, bắt quả tang và thu giữ T bộ số ma túy. Nguồn gốc ma túy Tráng A C mua của một người tên Mùa A D ở huyện SB, tỉnh HP, nước Cộng hoà dân chủ nhân dân L với giá 560.000.000. Lần mua thứ 2 này Hứa Thị G cũng biết khi nhắn tin và nói chuyện với Y qua điện thoại.

[2.2] Lời khai của các bị can Trần Đình T, Hứa Thị Y, Tráng A C, Hứa Thị G khai nhận phù hợp về thời gian, địa điểm tình tiết, diễn biến của vụ án, phù hợp với vật chứng thu giữ, cùng lời khai của người chứng kiến ông Nguyễn Hồng TA, sinh năm 1991, trú tại bản B1, xã H, tỉnh S, phù hợp với lời khai của ông Vũ Văn L3 là người điều khiển xe taxi, được chứng minh bằng các căn cứ sau:

[2.3] Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh S lập hồi 19 giờ 00 phút ngày 24/12/2024 tại bản Pa Kha, xã L, huyện V, tỉnh S đối với Trần Đình T và Hứa Thị Y, cùng vật chứng thu giữ gồm: 04 bánh hình chữ nhật, bên trong có chứa chất cục bột màu trắng có tổng khối lượng 1.093,66 gam, kết luận là Heroine; 38 viên nén màu hồng có khối lượng 3,64 gam, kết luận là Methamphetamine; Gói chất bột thu khi khám xét chỗ ở của Hứa Thị Y có khối lượng 0,42 gam kết luận là ma túy loại MDMA.

[2.4] Với các căn cứ chứng minh nêu trên có đủ cơ sở kết luận:

Các bị cáo Trần Đình T, Hứa Thị Y và Tráng A C có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng vì nghiện ma túy và hám lợi đã cố ý phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Các bị cáo Trần Đình T và Tráng A C mua bán trái phép 1.354,99 gam ma túy. *(Trong đó, 1.093,66 gam Heroine, 3,64 gam Methamphetamine bị thu giữ khi bắt quả tang và 01 bánh Heroine mua bán trót lọt. Lấy bánh Heroine có khối lượng thấp để quy kết trách nhiệm hình sự là 254,99 gam, 30 viên Hồng phiến có tổng khối lượng tương đương là 2,7 gam. Lấy khối lượng viên hồng phiến có khối lượng thấp nhất 0,09 gam thu giữ khi bắt quả tang Trần Đình T ngày 24/12/2024 để quy kết).* Bị cáo Hứa Thị Y cùng tham gia mua bán trái phép chất ma túy là có tổng khối lượng 1.142,3 gam ma túy. *(Trong đó 1.093,66 gam Heroine + 3,64 gam Methamphetamine bị thu giữ khi bắt quả tang và 12 chỉ Heroine mua bán trót lọt x 3,75gam = có khối lượng tương đương 45 gam).* Khi thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Ngoài ra bị cáo Hứa Thị Y và Trần Đình T còn cất giấu 0,42 gam MDMA với mục đích để sử dụng.

[2.5] Hành vi của bị cáo Trần Đình T, Tráng A C, Hứa Thị Y đã phạm vào các tội Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 số 86/2025/QH15); bị cáo Trần Đình T, Hứa Thị Y tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[2.6] Bị cáo Hứa Thị G biết rõ bị cáo Trần Đình T (*là chồng bị cáo*) vào tháng 9/2024, mang 01 bánh Heroine về chia ra để bán kiếm lời và ngày 24/12/2025, biết việc Trần Đình T cùng Hứa Thị Y đi lên tỉnh S mua ma túy nhưng không tố giác cho cơ quan chức năng. Hành vi trên của Hứa Thị G đã phạm vào tội Không tố giác tội phạm, quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật Hình sự.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về nhân thân: Các bị cáo Trần Đình T, Hứa Thị Y có nhân thân xấu. Bị cáo Trần Đình T có 01 tiền án chưa được xóa án tích, bị cáo Y đã từng bị kết án nhưng đã được xóa án.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Trần Đình T, Hứa Thị Y, Tráng A C phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Riêng bị cáo Trần Đình T lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[3.3] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, 04 bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Đình T, Hứa Thị Y tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm và tự thú về hành vi phạm tội của mình, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Tráng A C là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Hứa Thị G phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, ngoài ra tại thời điểm phạm tội bị cáo N đang mang thai 12 tuần 3 ngày là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tính chất, vai trò, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

[4.1] Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước Việt

Nam về chất ma túy; là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn và các tội phạm khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an T xã hội tại địa phương và trên lãnh thổ Việt Nam.

[4.2] Bị cáo Hứa Thị G nhận thức hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan tổ tụng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm và người phạm tội, gây mất trật tự trị an trên địa phương nhưng vì bị cáo Trần Đình T là chồng, bị cáo Hứa Thị Y là em gái ruột nên dù biết rõ nhưng không tố giác.

[4.3] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Bị cáo Tráng A C phạm tội với vai trò độc lập là người tìm nguồn ma túy về bán cho bị cáo T.

[4.4] Bị cáo Trần Đình T, Hứa Thị Y cùng đồng phạm giản đơn. Bị cáo Trần Đình T rủ bị cáo Hứa Thị Y đi mua ma túy về để bán kiếm lời, đồng thời đưa 0,42 gam MDMA cho Y cất giấu với mục đích để sử dụng. Do đó, T giữ vai trò là chủ mưu cầm đầu. Trong lần mua bán 4 bánh ma túy, bị cáo Hứa Thị Y không trực tiếp tham gia trao đổi giao nhận tiền và ma túy, không biết cụ thể khối lượng ma túy nên là đồng phạm giúp sức về mặt tinh thần cho bị cáo T. Đồng thời bị cáo Y còn độc lập mua lẻ 6 gói ma túy của T để bán kiếm lời. Do đó, cần áp dụng Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Đình T và Hứa Thị Y.

[4.5] Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vị trí vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Xét thấy cần có mức hình phạt tương xứng, phù hợp hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm mục đích trừng trị, giáo dục, cải tạo riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm chung. Do đó chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5] Về hình phạt bổ sung:

[5.1] Ngoài hình phạt chính, các bị cáo Trần Đình T, Tráng A C còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) theo quy định tại khoản 5 Điều 249, khoản 6 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm (Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 số 86/2025/QH15), xét điều kiện của các bị cáo không có khả năng thi hành nên không áp dụng hình bổ sung đối với các bị cáo.

[5.2] Xét thấy bị cáo Hứa Thị Y thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy để thu lợi bất chính, có tài sản bị thu giữ nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 6 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm (Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 số 86/2025/QH15). Phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Về nguồn gốc số ma túy và đối tượng liên quan đến vụ án:

[6.1] Về nguồn gốc 1.093,66 gam Heroine và 3,64 gam Methamphetamine

bị thu giữ, 01 bánh Heroine có khối lượng 254,99 gam và 2,7 gam Methamphetamine đã mua bán trót lọt (lấy bánh Heroine có khối lượng thấp nhất 254,99 gam và khối lượng 01 viên hồng phiến có khối lượng thấp nhất 0,09 gam thu giữ khi bắt quả tang Trần Đình T ngày 24/12/2024 để quy kết trách nhiệm hình sự). Bị cáo Tráng A C khai mua của Mùa A Dưa, khoảng hơn 40 tuổi (do Dưa tự giới thiệu, nhà ở huyện Sốp Bâu, tỉnh Hủa Phăn, nước CHDCND Lào) với giá 140.000.000 đồng/01 bánh Heroine. Còn họ, tên địa chỉ cụ thể của Mùa A Dưa thì Chứ không biết, ngoài lời khai của bị cáo, không có căn cứ để điều tra mở rộng. Buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về số ma túy thu giữ trong vụ án.

[6.2] Về nguồn gốc 0,42 gam MDMA bị thu giữ khi khám xét nhà ở nhà của Hứa Thị Y, bị cáo Trần Đình T khai ngày 03/10/2024, đi lên bệnh viện VĐ thành phố HN khám bệnh thì gặp một người đàn ông tên T, khoảng 40 tuổi, nhà ở thành phố HN từng bị xử phạt 3 năm tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy chấp hành án từ năm 2021 năm 2023 tại Trại giam NH đưa cho T để sử dụng. T đã trích lấy một ít sử dụng, số ma túy còn lại, T nhờ Hứa Thị Y cất giữ hộ. Kết quả điều tra tại Trại giam NH có 02 đối tượng tên Tú gồm: Lê Anh Tú, sinh năm 1993, trú tại số 87 tổ 26, phường Thanh Lương, quận HBT, thành phố HN và Nguyễn Anh T, sinh năm 1981, trú tại số 4, tổ 16a, ĐC, quận HM, thành phố HN. Cơ quan điều tra thu thập ảnh của trên cho bị cáo Trần Đình T nhận dạng, kết quả bị cáo T không nhận ra người tên Tú đã cho ma túy bị cáo ngày 03/10/2024. Vì vậy, không có căn cứ để điều tra mở rộng vụ án, buộc các bị cáo T và Y phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

[6.3] Đối với người nam giới tên Mùa A D, khoảng hơn 40 tuổi, nhà ở huyện SB, tỉnh HP, nước CHDCND L, theo bị cáo Tráng A C khai là người đã bán ma túy cho bị cáo thời gian tháng 9/2024 và ngày 23/12/2024. Quá trình điều tra bị cáo C khai chỉ biết họ tên nhưng không biết rõ địa chỉ cụ thể của người đó. Do đó, ngoài lời khai của bị cáo, Cơ quan CSĐT(PC04) Công tỉnh S không có căn cứ để điều tra làm rõ.

[6.4] Đối với Nguyễn Văn TI, sinh năm 1958 và Trần Minh TG, sinh năm 1963 đều trú tại Thôn Đ2, xã NL, huyện L, tỉnh N (nay là xã A, tỉnh B) theo bị cáo Trần Đình T khai nhận là những người đã mua ma túy của bị cáo vào thời gian tháng 9 và tháng 10/2024. Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT (PC04) Công an tỉnh S đã tiến hành xác minh thu thập ảnh của Nguyễn Văn TI và Trần Minh TG cho bị cáo Trần Đình T nhận dạng. Kết quả bị cáo T nhận dạng được ảnh của Nguyễn Văn TI, Trần Minh TG và khẳng định là những người đã mua ma túy của

bị cáo. Cơ quan CSĐT(PC04) Công an tỉnh S đã tiến hành triệu tập đầu tranh ghi lời khai của Nguyễn Văn TI và Trần Minh TG kết quả các đối tượng khai nhận phù hợp với lời khai của bị cáo Trần Đình T. Tuy nhiên số ma túy mua về, Nguyễn Văn TI đã sử dụng hết, tiến hành test nhanh ma túy qua nước tiểu đối với Nguyễn Văn TI và Trần Minh TG, kết quả xét nghiệm cả hai đối tượng đều âm tính với ma túy. Do đó, Cơ quan CSĐT (PC04) Công an tỉnh S không đủ căn cứ quy kết buộc TI phải chịu trách nhiệm hình sự về số ma túy đã mua của bị cáo Trần Đình T và không có căn cứ để ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Văn TI và Trần Minh TG về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

[6.5] Đối với Trần Như TA, sinh năm 1961, trú tại Thôn Đ2, xã NL, huyện L, tỉnh N (nay là xã A, tỉnh B), theo bị cáo Trần Đình T khai nhận là những người đã mua ma túy của bị cáo vào thời gian tháng 9 và tháng 10/2024. Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT (PC04) Công an tỉnh S đã tiến hành xác minh thu thập ảnh của Trần Như TA trên cho bị cáo Trần Đình T nhận dạng. Kết quả bị cáo T nhận dạng được ảnh của Trần Như TA và khẳng định là người đã mua ma túy của bị cáo. Cơ quan CSĐT(PC04) Công an tỉnh S đã tiến hành xác minh về Trần Như TA được biết Trần Như TA đang bị Cơ quan CSĐT(PC04) Công an tỉnh N khởi tố, tạm giam để điều tra tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Cơ quan CSĐT(PC04) Công an tỉnh S đã phối hợp với Phòng PC04 Công an tỉnh N đầu tranh ghi lời khai Trần Như TA khai nhận phù hợp với lời khai của bị cáo Trần Đình T. Tuy nhiên số ma túy mua về, Trần Như TA đã sử dụng hết. Do đó, Cơ quan CSĐT(PC04) Công an tỉnh S không đủ căn cứ quy kết buộc đối tượng phải chịu trách nhiệm hình sự về số ma túy đã mua của bị cáo Trần Đình T.

[6.6] Đối với Trần Đình A, sinh năm 1980, trú tại Thôn Đ2, xã NL, huyện L, tỉnh N (nay là xã A, tỉnh B), theo bị cáo Hứa Thị Y khai là người đã mua ma túy của bị cáo vào thời gian tháng 10/2024. Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT(PC04) Công an tỉnh S đã tiến hành xác minh thu thập ảnh của Trần Đình A cho bị cáo Hứa Thị Y nhận dạng. Kết quả bị cáo Y nhận dạng được ảnh của Trần Đình A và khẳng định A là người đã mua ma túy của bị cáo. Cơ quan CSĐT (PC04) Công an tỉnh S đã tiến hành xác minh về Trần Đình A xác định ngày 04/4/2025 UBND xã NL, huyện L, tỉnh N (nay là xã A, tỉnh B) ra Quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Tiến hành đầu tranh ghi lời khai Trần Đình A khai nhận phù hợp với lời khai của bị cáo Hứa Thị Y. Tuy nhiên số ma túy trên Trần Đình A đã sử dụng hết, do đó, Cơ quan CSĐT (PC04) Công an tỉnh S không đủ căn cứ quy kết buộc đối tượng phải chịu trách nhiệm hình sự về số ma túy đã mua của bị cáo Hứa Thị Y.

[6.7] Đối với Vũ Văn L3 là người lái xe taxi chở bị cáo Trần Đình T và Hứa

Thị Y lên huyện V, tỉnh S để mua ma túy. Quá trình điều tra xác định việc bị cáo Trần Đình T và Hứa Thị Y thuê xe Vũ Văn L3 lên huyện V, tỉnh S mua ma túy, Long không biết, không liên quan. Do đó, Cơ quan CSĐT (PC04) Công an tỉnh S không đặt vấn đề xử lý đối với Vũ Văn L3.

[6.8] Đối với Tráng A PH (con trai của bị cáo Tráng A C) là người được C nhờ đi gặp Trần Đình T để nhận tiền mua ma túy ngày 24/12/2024. Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT (PC04) Công an tỉnh S đã triệu tập làm việc, Phà trình bày được Chứ nhờ đi gặp T để nhận tiền mang về cho C, việc C mua bán ma túy, Phà không biết, không liên quan. Do đó, Cơ quan CSĐT (PC04) Công an tỉnh S không đặt vấn đề xử lý đối với Tráng A PH.

[6.9] Đối với những người mua ma túy của bị cáo Trần Đình T. Quá trình điều tra do bị cáo không biết nhân thân, lai lịch của những người đó. Ngoài lời khai của bị cáo Cơ quan CSĐT(PC04) Công an tỉnh S không có căn cứ để tiếp tục điều tra xử lý.

[6.10] Đối với lần bị cáo Trần Đình T nhờ Hứa Thị G đưa bao thuốc lá có chứa ma túy loại Heroine cho Nguyễn Văn TI vào khoảng thời gian tháng 10/2024. Do bị cáo T không nói cho N biết bên trong bao thuốc có chứa ma túy nên không quy kết trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hứa Thị G.

[7] Về vật chứng của vụ án và tài sản liên quan:

[7.1] Đối với số ma túy 1087,32 gam Heroine; 3,16 gam Methamphetamine; 0,2 gam MDMA thu giữ còn lại sau khi gửi giám định; vỏ gói ban đầu; túi nilon; các que thử ma túy của Trần Đình T, Hứa Thị Y, Vũ Văn L3, Tráng A C, Hứa Thị G; các que thử thai của Hứa Thị G, Hứa Thị Y; 01 túi vải màu đen có dây đeo màu đen. Xét đây là vật Nhà nước cấm lưu hành và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[7.2] Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xanh thu giữ của Trần Đình T; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max, màu đen thu giữ của Hứa Thị Y; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu viettel thu giữ của Tráng A C. Đối với số tiền 15.000.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang Trần Đình T. Quá trình điều tra xác định: Các điện thoại và tiền trên là công cụ, phương tiện mà các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[7.3] Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max, màu đen và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO 11 màu xanh tím; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, màu trắng thu giữ của Hứa Thị G; Số tiền 18.000.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang Hứa Thị Y. Quá trình điều tra xác định: Các điện thoại và số tiền trên là của bị cáo, không sử dụng để thực hiện hành vi

phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

[7.4] Đối với 01 Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, loại Vision, màu xám, biển kiểm soát: 26P1-126.13 tạm giữ khi khám xét khẩn cấp chỗ ở của Tráng A PH. Quá trình điều tra xác định tài sản trên là của Tráng A PH, việc Tráng A C nhờ Phà sử dụng chiếc xe trên để đi nhận tiền mua ma túy Phà không biết và không liên quan. Do đó, cần trả lại cho anh Tráng A PH.

[7.5] Đối với 01 chiếc xe ô tô, nhãn hiệu Vinfast, màu sơn xanh; 01 Giấy biên nhận thế chấp số 20240824/HNM; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 90000119, mang tên Vũ Văn L3; 01 Giấy chứng nhận điện tử do tổng công ty bảo hiểm PM AL; 01 Giấy chứng nhận kiểm định số 0790430; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 11, màu đen. Quá trình điều tra xác định tài sản và giấy tờ trên là của Vũ Văn L3 sử dụng để chạy dịch vụ taxi, việc Trần Đình T và Hứa Thị Y thực hiện hành vi phạm tội, Long không biết, không liên quan. Do đó, ngày 23/01/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh S đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật tài liệu và trao trả tài sản và giấy tờ trên cho chủ sở hữu hợp pháp là Vũ Văn L3 theo quy định là có căn cứ cần chấp nhận.

[7.6] Đối với số tiền 150.000.000 đồng bị cáo Tráng A C thu lời do bán ma túy cho bị cáo Trần Đình T (lần 1 = 30.000.000 đồng, lần 2 = 120.000.000 đồng). Bị cáo Hứa Thị Y đã 03 lần mua ma túy của bị cáo T tổng 6 gói Heroine thu lời tổng số tiền 3.600.000 đồng. Vì vậy cần truy thu sung công quỹ nhà nước số tiền 150.000.000 đồng đối với bị cáo Tráng A C và số tiền 3.600.000 đồng với bị cáo Hứa Thị Y.

[8] Về án phí: Bị cáo Tráng A C là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Tráng A C. Bị cáo Trần Đình T, Hứa Thị Y, Hứa Thị G phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh và hình phạt:

1.1. Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 số 86/2025/QH15); điểm s, t, r khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trần Đình T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Xử phạt bị cáo Trần Đình T tù Chung thân. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với

bị cáo Trần Đình T.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Trần Đình T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Xử phạt bị cáo Trần Đình T 02 (hai) năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Đình T.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của 02 tội, buộc bị cáo Trần Đình T phải chấp hành là tù Chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 24/12/2024).

1.2. Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 6 Điều 251 Bộ luật Hình sự (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 số 86/2025/QH15); điểm s, t, r khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015:

Tuyên bố bị cáo Hứa Thị Y phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Xử phạt bị cáo Hứa Thị Y 20 (hai mươi) năm tù; Phạt bổ sung bị cáo Hứa Thị Y 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Hứa Thị Y phạm tội: “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”; Xử phạt bị cáo Hứa Thị Y 02 (hai) năm tù.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của 02 tội, buộc bị cáo Hứa Thị Y phải chấp hành là: 22 (hai mươi hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 24/12/2024); Phạt bổ sung bị cáo Hứa Thị Y 10.000.000 (mười triệu) đồng.

1.3. Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 số 86/2025/QH15); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Tráng A C phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy; Xử phạt bị cáo Tráng A C tù Chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 24/12/2024).

- Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo Tráng A C .

1.4. Căn cứ khoản 1 Điều 390; điểm s, i, n khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Hứa Thị G phạm tội “Không tố giác tội phạm”; Xử phạt bị

cáo Hứa Thị G 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27/9/2025).

- Giao bị cáo Hứa Thị G cho Ủy ban nhân dân xã A, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 1087,32 gam Heroine; 3,16 gam Methamphetamine; vỏ gói ban đầu (đã được niêm phong trong 01 (Một) hộp bìa cát tông. Một mặt ghi: "Vật chứng còn lại từ T1 đến T7 có tổng khối lượng 1087,32 gam nghi là Heroine + T9=3,16 gam nghi là ma túy tổng hợp + vỏ gói ban đầu + vụ Trần Đình T, sinh năm 1979 cùng đồng bọn có hành vi Mua bán trái phép chất ma túy, bắt giữ ngày 24/12/2024". Tại các mép dán giáp lai hộp vật chứng có dán 04 giấy niêm phong số 0076948, 0076949, 0076950 và 00769751 do Công an tỉnh S phát hành, trên mỗi giấy niêm phong có đầy đủ chữ ký, họ tên của thành phần tham gia cùng một hình dấu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện V, tỉnh S.")

+ 0,2 gam MDMA; túi nilon (đã được niêm phong trong 01 (Một) phong bì thư do bưu điện Việt Nam phát hành nguyên niêm phong. Mặt trước phong bì thư ghi: "Vật chứng còn lại gồm túi nilon và YT=0,2 gam vụ Trần Đình T cùng đồng bọn, có hành vi Mua bán trái phép chất ma túy thu giữ ngày 25/12/2024". Tại mép dán giáp lai mặt sau phong bì của phong bì thư được dán giấy niêm phong số 0076978 do Công an tỉnh S cấp, trên giấy niêm phong có đầy đủ chữ ký, họ tên của thành phần tham gia cùng một hình dấu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện V, tỉnh S.")

+ 01 (Một) phong bì thư do bưu điện Việt Nam phát hành của Cơ quan CSĐT

Công an huyện V, tỉnh S nguyên niêm phong, bên trong có: “Que thử ma túy của Hứa Thị Y”.

+ 01 (Một) phong bì thư do bưu điện Việt Nam phát hành của Cơ quan CSĐT Công an huyện V, tỉnh S nguyên niêm phong, bên trong có: “Que thử thai của Hứa Thị Y”.

+ 01 (Một) phong bì thư do bưu điện Việt Nam phát hành của Cơ quan CSĐT Công an huyện V, tỉnh S nguyên niêm phong, bên trong có: “Que thử ma túy của Trần Đình T”.

+ 01 (Một) phong bì thư do bưu điện Việt Nam phát hành của Cơ quan CSĐT Công an huyện V, tỉnh S nguyên niêm phong, bên trong có: “Que thử ma túy của Vũ Văn L3”.

+ 01 (Một) phong bì thư do bưu điện Việt Nam phát hành của Cơ quan CSĐT Công an huyện V, tỉnh S nguyên niêm phong, bên trong có: “Que thử ma túy của Tráng A C”.

+ 01 (Một) phong bì thư do bưu điện Việt Nam phát hành của Cơ quan CSĐT Công an huyện V, tỉnh S nguyên niêm phong, bên trong có: “Que thử ma túy của Hứa Thị G”.

+ 01 (Một) phong bì thư do bưu điện Việt Nam phát hành của Cơ quan CSĐT Công an huyện V, tỉnh S nguyên niêm phong, bên trong có: “Que thử thai của Hứa Thị G”.

+ 01 (Một) túi vải màu đen có dây đeo màu đen, đã qua sử dụng.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

+ 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 Pro Max màu xanh thu giữ của Trần Đình T.

+ 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 Pro Max màu đen thu giữ của Hứa Thị Y.

+ 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu tím và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đen thu giữ của Tráng A C.

+ Số tiền 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng thu giữ khi bắt quả tang Trần Đình T niêm phong tại 01 (Một) phong bì do Phòng PC09 Công an tỉnh S phát hành nguyên niêm phong, bên trong gồm có: “Số tiền 33.000.000 (ba mươi ba triệu) đồng + Vở phong bì cũ gửi giám định”.

- Trả lại cho bị cáo Hứa Thị Y: Số tiền 18.000.000 (Mười tám triệu) đồng niêm phong tại 01 (Một) phong bì do Phòng PC09 Công an tỉnh S phát hành

nguyên niêm phong, bên trong gồm có: “Số tiền 33.000.000 (ba mươi ba triệu) đồng + Võ phong bì cũ gửi giám định”.

- Trả lại cho bị cáo Hứa Thị G: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 Pro Max màu đen; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO 11 màu xanh tím; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE X màu trắng thu giữ của Hứa Thị G.

- Truy thu nộp ngân sách Nhà nước:

+ Số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng đối với bị cáo Tráng A C.

+ Số tiền 3.600.000 (ba triệu sáu trăm nghìn) đồng đối với bị cáo Hứa Thị Y.

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Tráng A PH: 01 (Một) xe máy nhãn hiệu Honda, loại Vision, màu sơn: xám đen, biển kiểm soát: 26P1-126.13 tạm giữ của Tráng A PH.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/08/2025 giữa Cơ quan điều tra Công an tỉnh S và Thị hành án dân sự tỉnh S)

- Chấp nhận cơ quan điều tra Công an tỉnh S đã trả lại cho anh Vũ Văn L3: 01 chiếc xe ô tô, nhãn hiệu Vinfast, màu sơn xanh, loại VF5, biển kiểm soát: 90E-001.29; 01 Giấy biên nhận thế chấp số 20240824/HNM do Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam thịnh vượng chi nhánh HN, cấp ngày 24/8/2024; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 90000119, mang tên Vũ Văn L3, địa chỉ: T2, NK, BN, B, HN; 01 Giấy chứng nhận điện tử do tổng công ty bảo hiểm PM AL, cấp ngày 11/9/2024; 01 Giấy chứng nhận kiểm định số 0790430 đối với xe ô tô, nhãn hiệu Vinfast, màu sơn xanh, loại VF5, biển kiểm soát: 90E-001.29; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 11, màu đen.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Tráng A C. Buộc các bị cáo Trần Đình T, Hứa Thị Y, Hứa Thị G mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27/09/2025).

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Hà Nội;
- Viện phúc thẩm 1 – Viện KSND tối cao;
- VKSND tỉnh S;
- Phòng PC04 Công an tỉnh S;
- Thi hành án dân sự tỉnh S;
- Trại tạm giam công an tỉnh S;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh S;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng GD, TT, KT&THA;
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Hiếu